



*Người đại diện theo ủy quyền của bà C:* Ông Trần Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

2. Chị Đặng Thị N, sinh 1998; địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

3. Anh Đặng Tuấn M, sinh 2004; địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị N và anh M:* Ông Dương Đình T, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ U, phường T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện người khởi kiện, bản tự khai, lời khai tại phiên tòa, của người khởi kiện trình bày:

Ngày 13/6/2013, UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên tôi thửa đất số 230A tờ bản đồ số 74-I, diện tích 225m<sup>2</sup>, trong đó 50m<sup>2</sup> đất ở và 175m<sup>2</sup> đất CLN do tôi được nhận tặng cho của mẹ đẻ tôi. Ngoài diện tích đất tặng cho có giấy chứng nhận, thì gia đình tôi còn quản lý sử dụng khoảng 400m<sup>2</sup> đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 6/6/2022, UBND thành phố S ban hành Quyết định thu hồi đất số 1451 đối với 5 hộ gia đình trong đó có gia đình tôi. Diện tích của tôi bị thu hồi là 275,6m<sup>2</sup>, đất này chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 6/6/2022, UBND thành phố S ban hành Quyết định phê duyệt số 1452 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, trong đó có tôi với số tiền được bồi thường là 59.817.600 đồng.

Ngày 16/9/2022, UBND thành phố S ban hành Quyết định thu hồi đất số 2217 đối với tôi. Diện tích của tôi bị thu hồi là 210,3m<sup>2</sup>, trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 160,3m<sup>2</sup> đất CLN đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên tôi.

Ngày 16/9/2022, UBND thành phố S ban hành Quyết định phê duyệt số 2272 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, trong đó có tôi với số tiền được bồi thường là 326.924.400 đồng.

Như vậy UBND thành phố Sông Công thu hồi đất của tôi không cấp tái định cư và áp giá theo giá đất của UBND tỉnh Thái Nguyên để bồi thường là không đúng, nên gia đình tôi không chấp nhận. Giá đất mà UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành nhằm mục đích tính tiền thu thuế, cho nên giữa giá đất do UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành và giá đất thị trường chênh nhau gấp nhiều lần. Với giá tiền mà gia đình tôi được bồi thường thì không thể mua nổi 20m<sup>2</sup> có vị trí tương tự. Đồng thời khi thu hồi đất phải bố trí đất tái định cư.

Tại điểm b khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai quy định "*Trường hợp còn đất ở, nhà ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét bồi thường bằng đất ở*".

Tại khoản 2 Điều 19 Quyết định số 31 ngày 22/8/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định "*Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà tự lo chỗ ở (không nhận đất ở tại khu tái định cư) thì ngoài được bồi thường bằng tiền về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư bằng: 100.000.000 đồng/hộ*".

Tại điểm b khoản 2 Điều 23 Quyết định số 31 ngày 22/8/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc tái định cư "*Người có đất thu hồi được bố trí tái định cư tại chỗ nếu tại khu vực thu hồi đất có dự án tái định cư hoặc có điều kiện bố trí tái định cư. Ưu tiên vị trí thuận lợi cho người có đất thu hồi sớm bàn giao mặt bằng, người có đất thu hồi là người có công với cách mạng*".

Điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47 ngày 15/5/2014 quy định: "*Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét bồi thường bằng đất ở*".

Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47 ngày 15/5/2014 quy định: "*Trường hợp trong hộ gia đình tại khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (1) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế của địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình*".

Dự án xây dựng đường Thống nhất kéo dài, dự án này đã được xây dựng kế hoạch khu tái định cư và đã cấp đất tái định cư cho nhiều người.

Với những quy định trên thì gia đình tôi phải được bố trí đất tái định cư.

Hiện tại gia đình tôi còn có nhà ở chỗ khác nhưng toàn bộ diện tích gia đình tôi đang ở hiện nay là do tôi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất màu sang đất ở và vợ chồng tôi có 03 người con đẻ, trong đó một người đã lập gia đình và đã có hai con. Hiện tại gia đình tôi có tổng số nhân khẩu là 8 người, tất cả đều chung sống với nhau trong một ngôi nhà cấp 4 khoảng 70m<sup>2</sup> và có cùng sổ hộ khẩu với nhau. Chính vì lẽ đó mà diện tích 210,3m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên tôi, tôi tặng cho vợ chồng con gái của tôi để cháu tách ra ở riêng nhưng vì đất bị quy hoạch từ năm 2014, nên chúng tôi không làm được thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và chúng tôi cũng không được phép xây dựng công trình trên đất. Đây là điều vô lý làm bất lợi cho dân bởi quyền lực của chính quyền có những quy định oái oăm.

Mặc dù thu hồi đất nhưng tôi không nhất trí giá tiền bồi thường và yêu cầu phải cấp đất tái định cư, tuy nhiên tôi nhất trí về thu hồi đất và bàn giao đất, bàn giao mặt bằng, kể cả trong các cuộc họp tại địa phương. Nhưng bỗng dưng ngày 01/12/2022 UBND thành phố S ban hành Quyết định cưỡng chế số 2950

về việc cưỡng chế thu hồi đất. Đây là Quyết định cưỡng chế trái quy định, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của tôi. Do đó cần phải hủy bỏ quyết định này.

Đối với các Quyết định phê duyệt số 2272/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 và Quyết định phê duyệt số 1452/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND thành phố S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: xây dựng đường thống nhất kéo dài. Cả hai Quyết định này không xác định được đất ở và đất vườn có giá bồi thường là bao nhiêu, cùng các hỗ trợ khác cũng không căn cứ vào các điều luật nào. Tuy nhiên với số tiền bồi thường như vậy còn thấp so với tiền do bảng giá đất quy định đồng thời ngang nhiên cắt hỗ trợ hàng 100 triệu đồng của gia đình tôi. Nếu không cấp đất tái định cư cho gia đình chúng tôi thì buộc phải bồi thường theo giá thị trường. Đề nghị hủy hai quyết định này.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 469 ngày 17/3/2023 là một Quyết định trái quy định của pháp luật vì nội dung của quyết định thể hiện là gia đình tôi đồng ý bàn giao mặt bằng nhưng cuối cùng lại giữ nguyên quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Nên cần xem xét hủy quyết định này để bảo vệ danh dự và bảo vệ quyền lợi ích chính đáng cho gia đình tôi.

Đề nghị Tòa án quyết định:

1. Tuyên hủy Quyết định phê duyệt số 2272/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND thành phố S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: xây dựng đường thống nhất kéo dài.

2. Tuyên hủy Quyết định phê duyệt số 1452/QĐ-UBND ngày 6/6/2022 của UBND thành phố S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: xây dựng đường thống nhất kéo dài.

3. Tuyên hủy Quyết định cưỡng chế số 2950/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố S về việc cưỡng chế thu hồi đất.

4. Tuyên hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 469/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố S về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại ông Đặng Văn D bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị gồm:

- Hủy Thông báo số 2807/TB-UBND ngày 23/8/2021 của UBND thành phố S về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án: Xây dựng đường T kéo dài.

- Hủy Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND thành phố S về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án: Xây dựng đường T kéo dài.

- Hủy Quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND thành phố S về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án: Xây dựng đường T kéo dài.

*\* Người bị kiện UBND thành phố S, Chủ tịch UBND thành phố Sông Công tại Văn bản số 3023/UBND-TNMT ngày 08/11/2023 có ý kiến như sau:*

Thực hiện Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh T về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Xây dựng đường Thống Nhất kéo dài (đoạn từ điểm cuối đường T đã thực hiện tại cọc số F) đến nút giao đường quy hoạch đi Khu đô thị sinh thái và đoạn từ nút giao với đường T (công Trung đoàn 209) đến cầu D theo hình thức PPP - Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT), UBND thành phố đã triển khai thực hiện dự án Xây dựng đường Thống Nhất kéo dài (đoạn từ điểm cuối đường T đã thực hiện tại cọc số F) đến nút giao đường quy hoạch đi Khu đô thị sinh thái theo hình thức PPP - Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) theo quy định. Quá trình triển khai dự án, các hộ gia đình, cá nhân trong vùng ảnh hưởng đã ủng hộ dự án, kê khai thu hồi đất, nhận tiền bồi thường hỗ trợ và tái định cư, bàn giao mặt bằng theo quy định.

Thực hiện quy trình thu hồi đất, hộ ông Đặng Văn D đã thực hiện kê khai, kiểm đếm đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi ngày 10/11/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất đã thực hiện việc niêm yết công khai phương án bồi thường hỗ trợ lần 1 từ ngày 19/01/2022 đến hết ngày 09/02/2022, lần 2 từ ngày 21/4/2022 đến hết ngày 10/5/2022 theo quy định. UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 1451 ngày 06/6/2022 về việc thu hồi đất và Quyết định số 1452 ngày 06/6/2022 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, hộ ông Đặng Văn D không đồng ý nhận tiền, bàn giao mặt bằng và có đơn đề nghị giao đất tái định cư. Các cơ quan chuyên môn của UBND thành phố đã tuyên truyền, vận động nhưng hộ ông Đặng Văn D không chấp hành Quyết định thu hồi đất của UBND thành phố. Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đặng Văn D.

Ông Đặng Văn D có đơn khiếu nại Quyết định 2948/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 và Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất. UBND thành phố đã thụ lý đơn khiếu nại, thực hiện việc xác minh, tổ chức đối thoại với người khiếu nại và ban hành Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố S về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn D (lần đầu) theo quy định của pháp luật.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Tại đơn ghi ngày 21/12/2023, bà Dương Thị C, chị Đặng Thị N, anh Đặng Tuấn M có ý kiến đồng thuận, thống nhất với nội dung khởi kiện của ông Đặng Văn D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 11/4/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thái nguyên đã quyết định: Áp dụng các Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm

2015; Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ; các Điều 18, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại; Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T1; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Đặng Văn D về việc hủy các quyết định hành chính sau:

- Thông báo số 2807/TB-UBND ngày 23/8/2021 của UBND thành phố S về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án: Xây dựng đường T kéo dài.

- Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND thành phố S về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án: Xây dựng đường T kéo dài.

- Quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND thành phố S về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án: Xây dựng đường T kéo dài.

- Quyết định phê duyệt số 1452/QĐ-UBND ngày 6/6/2022 của UBND thành phố S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: xây dựng đường thống nhất kéo dài.

- Quyết định phê duyệt số 2272/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND thành phố S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: xây dựng đường thống nhất kéo dài,

- Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố S về việc cưỡng chế thu hồi đất,

- Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố S về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn D (lần đầu).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/4/2024, người khởi kiện ông Đặng Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Đặng Văn D có mặt tại phiên tòa, sau đó ông D bỏ về không tham gia phiên tòa để trình bày kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Người khởi kiện chấp hành chưa đúng pháp luật; người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đơn kháng cáo của ông Đặng Văn D là hợp lệ, đúng thời hạn theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của người khởi kiện ông Đặng Văn D. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 11/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Đặng Văn D nộp trong thời hạn và đúng quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa người khởi kiện ông Đặng Văn D có mặt tại phiên tòa và đã được Hội đồng xét xử giải thích các quy định của pháp luật, tuy nhiên sau đó ông D đã tự bỏ về; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 157; Điều 227 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo ông Đặng Văn D, thấy:

**[1] Xem tính hợp pháp của Thông báo số 2807/TB-UBND ngày 23/8/2021 của UBND thành phố S về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án:** Xây dựng đường T kéo dài, thấy: Ông Đặng Văn D cho rằng Thông báo số 2807 trong danh sách thông báo thu hồi đất không có tên gia đình ông. Tuy nhiên, UBND thành phố S đã bổ sung hộ gia đình ông trong danh sách thu hồi đất tại Thông báo số 678/TB-UBND. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Văn D về việc hủy Thông báo số 2807, nên kháng cáo của ông D không được chấp nhận.

**[2]. Xem tính hợp pháp của Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 về việc thu hồi đất.**

[2.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định.

Ngày 06/6/2022, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố S có Tờ trình số 97/TTr-HĐBT về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đ (địa bàn phường P).

Do vậy, xét việc ban hành Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 về việc thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 62; Điều 63; Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

*[2.2]. Về nội dung Quyết định số 1451/QĐ-UBND.*

[2.2.1]. Về nguồn gốc diện tích đất của gia đình ông Đặng Văn D bị thu hồi, gia đình ông D chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Thửa số 229, bản đồ 74-I, diện tích 80,9m<sup>2</sup> (BHK); Thửa số 10, bản đồ 74-I, diện tích 194,7m<sup>2</sup> (CLN). Tổng diện tích: 275,6m<sup>2</sup>.

[2.2.2]. Căn cứ Biên bản làm việc về việc xác định hiện trạng sử dụng đất thửa đất của hộ gia đình ông D bị thu hồi ngày 20/10/2021 đối với các thửa đất nêu trên và sơ đồ thửa đất kèm theo. Bản đồ địa chính (trích lục) phục vụ công tác bồi thường GPMB để thực hiện dự án, lập ngày 19/11/2021. Do vậy, UBND thành phố S ban hành Quyết định số 1451/QĐ-UBND là đúng pháp luật. Xét yêu cầu của ông Đặng Văn D về việc hủy Quyết định số 1451/QĐ-UBND là không có cơ sở chấp nhận. Cần bác yêu cầu của ông D là phù hợp.

***[3]. Xem tính hợp pháp của Quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 về việc thu hồi đất.***

*[3.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định.*

Xét việc ban hành Quyết định số 2271/QĐ-UBND về việc thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 62; Điều 63; Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

*[3.2]. Về nội dung Quyết định số 2271/QĐ-UBND.*

[3.2.1]. Về nguồn gốc diện tích đất của gia đình ông Đặng Văn D bị thu hồi, gia đình ông D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Thửa số 230A, bản đồ 74-I, diện tích 210,3m<sup>2</sup> (Trong đó có: 50 m<sup>2</sup> đất ONT+ 160,3 m<sup>2</sup> đất CLN).

[3.2.2]. Căn cứ Biên bản làm việc về việc xác định hiện trạng sử dụng đất thửa đất của hộ gia đình ông D bị thu hồi ngày 20/10/2021 đối với các thửa đất nêu trên và sơ đồ thửa đất kèm theo. Bản đồ địa chính (trích lục) phục vụ công tác bồi thường GPMB để thực hiện dự án, lập ngày 19/11/2021. Do đó, UBND thành phố Sông Công ban hành Quyết định số 2271/QĐ-UBND là đúng pháp luật. Xét yêu cầu của ông Đặng Văn D về việc hủy Quyết định số 2271/QĐ-UBND là không có cơ sở chấp nhận. Cần bác yêu cầu của ông D là phù hợp.

***[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND thành phố S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.***

*[4.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định.*



Sau khi có thông báo việc thu hồi đất UBND thành phố S đã giao cho các cơ quan chuyên môn của thành phố, tổ chức làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng thành phố, UBND phường P thực hiện việc lập và thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư.

Ngày 23/5/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố S đã có Tờ trình số 168/TTr-TTPTQĐ về việc đề nghị phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng đường T kéo dài.

Ngày 06/6/2022, UBND thành phố ban hành Quyết định số 1452/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2014;

*[4.2]. Về nội dung quyết định.*

Theo Quyết định số 1452/QĐ-UBND thì gia đình ông D được bồi thường hỗ trợ diện tích thu hồi: 275,6m<sup>2</sup>. Tổng cộng: 88.861.280 đồng.

Xét các khoản bồi thường về đất và cây cối tài sản trên đất thực hiện theo đúng Nghị định số 47/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014, Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06/07/2016, Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019, của UBND tỉnh T. Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 29/4/2022, về đơn giá bồi thường đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất, Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 28/02/2022, về việc phê duyệt giá đất cụ thể khi nhà nước thu hồi đất của UBND thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Do vậy, Quyết định số 1452/QĐ-UBND về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đặng Văn D là đúng pháp luật, nên yêu cầu của ông D đề nghị hủy Quyết định số 1452/QĐ-UBND với lý do không nhất trí giá tiền bồi thường không được chấp nhận.

Xét thấy:

+ Về giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ủy quyền cho các huyện, thành phố, thị xã phê duyệt giá đất cụ thể trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh Thái Nguyên. Ngày 28/02/2022, UBND thành phố S, tỉnh Thái Nguyên Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng một số dự án trên địa bàn thành phố S. Do đó, UBND thị xã P đã áp dụng giá bồi thường theo các Quyết định nêu trên là phù hợp với Điều 74 Luật đất đai năm 2013.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông D không đề nghị xem xét về giá đất nữa. Nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Văn D về việc áp dụng giá đất.

***[5]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND thành phố S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.***

*[5.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định.*

Sau khi có thông báo việc thu hồi đất UBND thành phố S đã giao cho các cơ quan chuyên môn của thành phố, tổ chức làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng thành phố, UBND phường P thực hiện việc lập và thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư.

Ngày 18/8/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố S đã có Tờ trình số 277/TTr-TTPTQĐ về việc đề nghị phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án.

Ngày 16/9/2022 UBND thành phố ban hành Quyết định số 2272/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2014;

*[5.2]. Nội dung quyết định.*

Theo Quyết định số 2272/QĐ-UBND thì gia đình ông D được bồi thường hỗ trợ gồm: Diện tích thu hồi: 201,3m<sup>2</sup>. Tổng cộng: 320.514.400 đồng.

Xét các khoản bồi thường về đất và cây cối tài sản trên đất thực hiện theo đúng Nghị định số 47/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014, Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06/07/2016, Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019, của UBND tỉnh Thái Nguyên. Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 29/4/2022, về đơn giá bồi thường đối với cây trồng khi nhà nước thu hồi đất, Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 28/02/2022, Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 về việc phê duyệt giá đất cụ thể khi nhà nước thu hồi đất của UBND thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Do vậy, Quyết định số 2272/QĐ-UBND về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đặng Văn D là đúng pháp luật.

*[5.3]. Xét yêu cầu của ông D đề nghị hủy Quyết định số 2272/QĐ- UBND với lý do không nhất trí giá tiền bồi thường và yêu cầu phải cấp đất tái định cư thấy rằng:*

+ Về giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh T về việc ủy quyền cho các huyện, thành phố, thị xã phê duyệt giá đất cụ thể trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 28/02/2022, UBND thành phố S, tỉnh Thái Nguyên Quyết định số 530 QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng một số dự án trên địa bàn thành phố S.

Ngày 29/04/2022, UBND thành phố S, tỉnh Thái Nguyên Quyết định số 1119/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất bồi thường đối với cây trồng khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án.

Do đó, UBND thành phố S đã áp dụng giá bồi thường theo các Quyết định nêu trên là phù hợp với Điều 74 Luật đất đai năm 2013.

+ Về cấp đất tái định cư: Hộ ông Đặng Văn D bị thu hồi diện tích 50m<sup>2</sup> đất ở, không phải di chuyển chỗ ở, hiện tại ông đang ở tại thửa số 239B diện tích 120m<sup>2</sup> đất ở thuộc tờ bản đồ số 74-1, thửa đất có nhà ở thuộc Tổ dân phố K, phường P, UBND thành phố có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng diện tích 120m<sup>2</sup> đất ở năm 2005, nên hộ ông Đặng Văn D không thuộc trường hợp được giao đất tái định cư theo quy định.

***[6]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố sông về việc cưỡng chế thu hồi đất.***

Xét thấy, UBND thành phố S ban hành các quyết định thu hồi đất và phê duyệt bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình ông Đặng Văn D là đúng quy định của pháp luật. Chủ tịch UBND thành phố S ban hành Quyết định số 2950/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo điểm d, khoản 3, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Điều 11, Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T1. Do vậy, cần bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn D về việc hủy Quyết định số 2950/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất nêu trên là phù hợp.

***[7]. Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố S về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).***

*[7.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định.*

Ông Đặng Văn D có đơn khiếu nại Quyết định 2948/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 và Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất UBND thành phố đã thụ lý đơn khiếu nại, thực hiện việc xác minh, tổ chức đối thoại với người khiếu nại và ban hành Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố S về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Văn D (lần đầu) là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại. Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

*[7.2] Về nội dung:*

Do các quyết định của UBND thành phố S về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Chủ tịch UBND thành phố Sông Công ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 469/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố S về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là phù hợp pháp luật. Nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Văn D, cần bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn D là phù hợp.

Từ phân tích trên, thấy rằng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn D.

[3] Về án phí: Ông Đặng Văn D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Đặng Văn D; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí: Ông Đặng Văn D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000169 ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên (đã nộp đủ).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Việt Hà**